

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/LĐ-ST

Ngày: 14-9-2023

V/v “Tranh chấp tiền trợ cấp thôi
việc ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đông Thiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Vân

2. Ông Trần Ngọc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Quy Nhơn.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh
Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 10/2023/TLST-LĐ
ngày 19 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc ” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử **số: 212/2023/QĐXXST-LĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023** giữa
các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Tấn D, sinh năm 1976(có mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh B

Bị đơn: Công ty cổ phần quản lý, sửa chữa đường bộ Quy N

Địa chỉ: 58 Diên H, TP. Q, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Bắc T - Giám đốc.

Người đại diện theo UQ: Ông Trần Ái N – Trợ lý chủ tịch HĐQT (vắng mặt)

Địa chỉ: 58 Diên H, TP. Q, tỉnh B.

(Văn bản uỷ quyền số 88/GUQ-QLSCDB ngày 28.8.2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2023; và các lời khai tiếp theo
nguyên đơn anh Bùi Tấn D trình bày:*

Trước đây anh là trưởng phòng kế hoạch - kỹ thuật thuộc Công ty Cổ phần
quản lý, sửa chữa đường bộ Quy N (trước đây là Xí nghiệp quản lý sửa chữa
đường bộ Quy N) (sau đây gọi là Cty). Thời gian công tác tại đơn vị là 23 năm 05

tháng, theo Sổ bảo hiểm xã hội tỉnh B chốt ngày 30.11.2022. Tuy nhiên vì hoàn cảnh gia đình nên anh đã làm đơn xin nghỉ việc, giám đốc Cty đã ban hành Quyết định số 130/QĐ-QLSCĐB chấp nhận theo nguyện vọng của anh, được nghỉ việc từ ngày 01.10.2022.

Theo quy định pháp luật thì trường hợp của anh đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thôi việc, nhưng sau khi BHXH tỉnh B chốt sổ bắt buộc ngày 30.11.2022 đến nay Cty vẫn không chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho anh .

Do đó, nay anh yêu cầu Cty phải có nghĩa vụ chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho anh, cụ thể như sau:

Số năm công tác được hưởng trợ cấp thôi việc từ ngày tháng 01.1999 đến tháng 12/2008 là 10 năm, lương bình quân 06 tháng trước khi nghỉ việc là: 11.217.000đ. Theo quy định cứ 01 năm sẽ được hưởng là $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân, nên số tiền trợ cấp thôi việc: $(11.217.000\text{đ}/2) \times 10 = 56.085.000\text{đ}$

Nay anh yêu cầu Công ty phải có nghĩa vụ chi trả số tiền trợ cấp thôi việc cho anh là: 56.085.000đ

** Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Trần Ái N trình bày:*

Anh D công tác tại Cty từ tháng 01.1999 đến tháng 10.2022 có đơn xin thôi việc; Cty có quyết định thôi việc số 130/QĐ-QLSCĐB ngày 01.10.2022.

Nay qua yêu cầu anh D, ông thay mặt Cty có ý kiến: hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, công nợ nhiều, không khai thác, ký kết được hợp đồng thi công công trình, nhiều tháng liền người lao động không có việc làm, tình trạng nợ lương kéo dài, Công ty thua lỗ nên phải tiết giảm chi phí, khắc phục thua lỗ trong năm 2023 và những năm tiếp theo. Công ty là công ty cổ phần tư nhân nên các cổ đông không đồng tình với các khoản chi phí như chi trả trợ cấp thôi việc, để thực hiện khoản chi này phải thông qua đại hội đồng cổ đông, khi có kết quả sẽ giải quyết yêu cầu trợ cấp thôi việc của anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ đơn khởi kiện, đối chiếu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Tòa xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc”, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại 58 Diên H, TP. Q, tỉnh B. Do đó, theo quy định tại Điều 32, khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

[2] Về yêu cầu nguyên đơn:

Anh Bùi Tấn D yêu cầu Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Quy N phải có nghĩa vụ trả tiền trợ cấp thôi việc cho anh với tổng số tiền là: 56.085.000đ .

Tòa xét:

Anh D là **trưởng phòng kế hoạch - kỹ thuật** của Cty và được Cty đóng BHXH cho anh **23 năm 05 tháng** từ tháng 01/1999 đến tháng 09/2022, anh được Cty cho nghỉ việc theo Quyết định số 130/QĐ-QLSCĐB thời gian bắt đầu được nghỉ việc từ ngày 01.10.2022.

Căn cứ vào sổ BHXH mã số: 3702000262 của anh D, thể hiện thời gian đóng BHXH tại Cty là 23 năm 5 tháng. Từ ngày 01/01/2009 anh D đã tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật lao động 2019 thì Công ty phải có nghĩa vụ thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho anh D, mỗi năm làm việc được trợ cấp $\frac{1}{2}$ tháng lương; theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 46 Bộ Luật lao động năm 2019, điểm c Khoản 3 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của chính phủ, thì căn cứ tính trợ cấp thôi việc cho anh D như sau:

Số năm công tác được hưởng trợ cấp thôi việc từ ngày tháng 01.1999 đến tháng 12/2008 là 10 năm, lương bình quân 06 tháng trước khi nghỉ việc là: 11.216.700đ. Theo quy định cứ 01 năm sẽ được hưởng là $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân, nên số tiền trợ cấp thôi việc: $(11.216.700đ/2) \times 10 \text{ năm} = 56.083.500đ$

Như vậy, việc anh D khởi kiện yêu cầu Công ty phải có nghĩa vụ thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền là **56.083.500đ** là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về ý kiến bị đơn :

Việc Công ty không đồng ý thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho anh D với lý do: hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, công nợ nhiều, không khai thác, ký kết được hợp đồng thi công công trình, nhiều tháng liền người lao động không có việc làm, tình trạng nợ lương kéo dài, Công ty thua lỗ nên phải tiết giảm chi phí, khắc phục thua lỗ trong năm 2023 và những năm tiếp theo. Công ty là công ty cổ phần tư nhân nên các cổ đông không đồng tình với các khoản chi phí như chi trả trợ cấp thôi việc, để thực hiện khoản chi này phải thông qua đại hội đồng cổ đông không được phía nguyên đơn chấp nhận và không phù hợp theo quy định pháp luật nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí Lao động sơ thẩm:

Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Quy N phải chịu theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 46 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị Định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/2/2020 của chính phủ.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1- Buộc Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Quy N phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Bùi Tấn D tiền trợ cấp thôi việc là: **56.083.500đ**.

2- Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Quy N phải chịu 1.683.000đ

3- Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4- Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Đông Thiên

